

Số: 08 /QĐ-THPT BTO

Ba Tơ, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai thuyết minh dự toán ngân sách năm 2026 của Trường THPT Ba Tơ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT BA TƠ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định trách nhiệm và quyền hạn của Hiệu trưởng;

Căn cứ Quyết định số 1957/QĐ-SGDĐT ngày 29/12/2025 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Hội đồng liên tịch Trường THPT Ba Tơ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường THPT Ba Tơ theo phụ lục đính kèm.

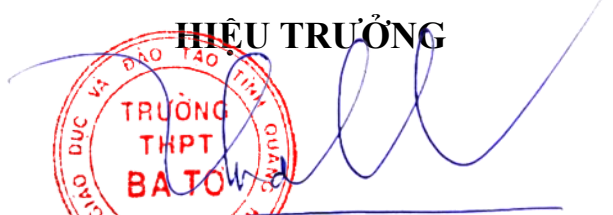
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, văn phòng, kế toán và các cá nhân, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (báo cáo);
- KBNN KVXV-PGD 21;
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Thành

THUYẾT MINH DỰ TOÁN NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 08 / QĐ-THPT BTO ngày 12/01/2026 của Trường THPT Ba Tơ)

ĐVT: đồng



TT	Nội dung	Số tiền
A	B	24,474,000,000
I	Dự toán thu	1,137,000,000
1	Thu học phí	1,137,000,000
	Số cấp bù: 1264 HS x 100,000đ x 9 tháng	1,137,000,000
2	Thu khác	
	Dự toán chi NSNN = (I + II)	24,474,000,000
II	Kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp: = (1+2)	23,337,000,000
1	Nguồn thường xuyên (013)	14,557,000,000
1.1	Nhóm chi cho con người	11,761,000,000
	Biên chế được giao theo QĐ: 64	
	Biên chế hiện có mặt: 58	-
1.1.1	Tổng số lương và phụ cấp lương (tính lương 2.340.000 đồng)	9,833,335,200
	+ Tiền lương cấp bậc: 217,1 x 2.340.000 đồng x12 tháng	6,096,168,000
	+ Tiền nâng lương, thâm niên NG : 2,5 x 2.340.000 đồng x12tháng	70,200,000
	+ Phụ cấp chức vụ: 5x2.340.000đx12 tháng	140,400,000
	+ Phụ cấp thâm niên vượt khung:0,25 x 2.340.000x12tháng	7,020,000
	+ Phụ cấp khu vực: 17 x12 tháng x2.340.000đ	477,360,000
	+ Phụ cấp ưu đãi: 73,10 x12 tháng x 2.340.000đ(35%)	2,052,648,000
	+ Phụ cấp trách nhiệm: 2,3 x 12 tháng x 2.340.000đ	64,584,000
	+ Phụ cấp thâm niên nhà giáo:32,04 x 12 tháng x 2.340.000đ	899,683,200
	+ Phụ cấp cấp uỷ: 0,9 x12 tháng x 2.340.000đ	25,272,000
1.1.2	Hợp đồng lao động (2Bảo vệ, 01tạp vụ)	133,200,000
	3 x 3.7000.000 x 12 tháng(02 bảo vệ, 01 tạp vụ)	133,200,000
1.1.3	Các khoản đóng góp BHXH,YT,CD	1,579,534,308
	Tổng hệ số lương + PC x 2.340.000 đồng x 12 tháng x 21,5%	1,579,534,308
1.1.4	Chi thừa giờ, thêm giờ, ngoài trời: thuyết minh cụ thể	214,930,492
	- Thêm giờ (ngoài giờ) do trực các ngày lễ, bão và các hoạt động khác	70,000,000
	- Thừa giờ do thiếu GV, (GV nghỉ sinh, đi công tác 100.000đ/tiết) ước tính 7000 tiết chuyển qua dùng nguồn cấp bù HP	69,930,492
	- Chi phụ cấp ngoài trời cho GVGĐTC-QPAN (8 Giáo viên)(533*8*0,01*2340000)	75,000,000
1.2	Nhóm chi hành chính, công vụ	576,000,000
1.2.1	Dịch vụ công cộng	132,000,000
	Thanh toán tiền điện sáng: 11.000.000đồng x 12 tháng	132,000,000
1.2.2	Vật tư văn phòng	136,000,000
	+ Chi mua VPP: 15.000.000 đồng x 4 quý	60,000,000
	+ Mua sắm CC-DC văn phòng: 9.000.000 đồng x 4 quý	36,000,000
	+ Mua vật tư VP khác : 10.000.000 đồng x 4 quý	40,000,000
1.2.3	Thông tin, tuyên truyền liên lạc	23,000,000
	Tiền cước điện thoại trong nước: 50.000đồng/tháng x 12 tháng	600,000
	Tiền cước internet 1,600,000đ/tháng x 12 tháng	19,200,000
	Tiền sách, báo 800.000đ/quý x 4 quý	3,200,000
1.2.4	Hội nghị	12,000,000
	+ Hội nghị VC, NLĐ: 01 lần x 2.000.000 đồng	2,000,000
	+ Hội nghị tổng kết: 01 lần x 5.000.000 đồng	5,000,000
	+ Chi khai giảng năm học: 01 lần x 5.000.000 đồng	5,000,000

1.2.5	Công tác phí	273,000,000
	<i>Tiền xe</i>	90,000,000
	<i>Tiền phụ cấp lưu trú</i>	75,000,000
	<i>Tiền trợ</i>	90,000,000
	<i>Khoản công tác phí (3 người x 500.000đồng x 12 tháng)</i>	18,000,000
1.3	Nhóm chi chuyên môn nghiệp vụ	998,328,000
1.3.1	Chi phí thuê mướn: thuyết minh cụ thể như sau	60,000,000
	<i>Thuê HĐ dọn và cắt tỉa cây quanh trường</i>	10,000,000
	<i>Thuê cắt dân băng rôn, khâu hiệu</i>	15,000,000
	<i>Thuê HĐ bốc gạo chế độ học sinh</i>	15,000,000
	<i>Chi đào tạo, bồi dưỡng</i>	20,000,000
1.3.2	Nghệp vụ chuyên môn: Thuyết minh cụ thể từng hoạt động	811,400,000
	Chi mua hồ sơ, ấn phẩm, vật tư, phần viết bảng, bút, sách, tài liệu	80,000,000
	Chi mua đồ dùng dạy học	70,000,000
	HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC	661,400,000
	CHI HS GIỎI CÁC CẤP	220,000,000
	- Tổ chức thi học sinh giỏi cấp trường khối 10,11,12	30,000,000
	- Tham gia thi học sinh giỏi cấp tỉnh khối F10810,11,12	30,000,000
	- Chi bồi dưỡng học sinh giỏi khối 10,11,12 cấp trường	80,000,000
	- Chi bồi dưỡng học sinh giỏi khối 10,11,12 cấp tỉnh	80,000,000
	CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC	441,400,000
	-Chi tổ chức thi GV dạy giỏi cấp trường, tỉnh	30,000,000
	-Hội thi an toàn giao thông cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi khoa học kỹ thuật cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi học sinh ý tưởng khởi nghiệp cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi văn hóa, văn nghệ cấp trường, tỉnh	30,000,000
	-Hội thi thanh lịch cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi câu lạc bộ tiếng anh cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi olympic tiếng anh cấp trường,tỉnh	20,000,000
	-Hội thi hướng nghiệp, trải nghiệm cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi hoạt động ngoài giờ lên lớp	40,000,000
	-Hội thi giới thiệu sách cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi cán bộ đoàn giỏi	20,000,000
	-Hội thi máy tính cầm tay cấp trường, tỉnh	20,000,000
	-Hội thi GVCN giỏi cấp trường, tỉnh	-
	-Hội thi cán bộ thư viện giỏi cấp trường, tỉnh	10,000,000
	-Hội thi xây dựng thiết bị dạy học số cấp trường, tỉnh	5,000,000
	-Hội thi thiết kế bài giảng điện tử cấp trường, tỉnh	5,000,000
	-Hội thi giáo viên thanh lịch cấp trường, tỉnh	5,000,000
	-Hội thi văn nghệ giáo viên cấp trường, tỉnh	5,000,000
	-Hội thi hội thao quốc phòng An Ninh	20,000,000
	-Hội thi hội khỏe phù đồng cấp trường, tỉnh	30,000,000
	-Hội thi thể thao cấp trường	20,000,000
	Chi BC viên tập huấn ở trường và báo cáo viên học chính trị hè	4,000,000
	Chi trang phục GV thể dục, GDQP-AN: 8 người x 2.800.000đ	22,400,000
	Chi tổ chức xét tuyển vào lớp 10	15,000,000
1.3.3	Chi khen thưởng	93,928,000
	Chi khen thưởng học sinh cuối năm	45,000,000
	Chi khen thưởng LĐTĐ 64 người x702.000đ/người, CSTĐCS, SK	44,928,000
	Chi khen thưởng các mặt hoạt động khác	2,000,000
	Chi in, mua khung giấy khen	2,000,000

[illegible]